

Bản án số: 198/2023/DS-PT

Ngày 30 - 6 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh K (Tươi), sinh năm 1966.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Minh K: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1965, (được ủy quyền theo văn bản ngày 15 tháng 6 năm 2023) (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số B, đường N, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số H, đường R, khóm C, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Cẩm N: Luật sư Lê Minh C1, Văn phòng luật sư Lê Minh C1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Cẩm N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh K trình bày: Ngày 28/6/2018, bà Trần Thị Minh K có cho bà Lê Thị Cẩm N vay số tiền 347.000.000đ, bà N tự viết và ký biên nhận nợ. Nội dung Giấy biên nhận đề ngày 28/6/2018 như sau: Tôi tên: Lê Thị Cẩm N có mượn của chị Trần Thị Minh K số tiền 347000000đ (tương đương với 10 cây vàng 24ka). Tại biên nhận vay không thể hiện lãi suất nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất là 15.000.000đ/tháng, nhưng đến ngày 28/4/2022, đôi bên thỏa thuận điều chỉnh lại lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ khi vay đến ngày 28/4/2022. Quá trình vay, bà N trả lãi được tổng cộng 235.230.000đ, chưa trả vốn. Việc điều chỉnh lãi và kết tính tiền lãi đã trả được thể hiện rõ tại bảng kê đóng tiền do bà K viết và bà N ký vào bảng kê đóng tiền này. Bà K cho bà N vay, do N vay trong thời gian hôn nhân với ông C nên yêu cầu cả bà N cùng ông C thanh toán số tiền vốn 347.000.000 đồng cho bà, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Cẩm N trình bày: Bà Dương Tuyết N1 là di ruột của bà. Vào năm 2018, bà N1 có vay của bà Trần Thị Minh K số tiền 347.000.000đ tương đương với 10 lượng vàng 24kara, lãi suất thỏa thuận là 15.000.000đ/tháng và thỏa thuận thêm nếu giá vàng tăng hoặc giảm thì sẽ tăng hoặc giảm lãi suất cho vay. Tuy nhiên, do bà N1 định cư sinh sống ở nước ngoài nên bà N1 và bà thỏa thuận rằng bà đứng ra viết và ký biên nhận nợ đề ngày 28/6/2018 với nội dung như nguyên đơn đã nêu và nhận tiền dùm cho bà N1. Quá trình vay, bà N1 có gửi tiền đóng lãi cho bà K nhiều lần, trong đó, gửi tiền về cho bà đóng lãi cho bà K được 09 tháng từ ngày 28/6/2018 đến đến tháng 7/2019 bằng số tiền 220.000.000đ, gửi chuyển khoản và qua bưu điện được 2.000USD, cho đến nay chưa trả được vốn khoản nào. Đến ngày 28/4/2022, bà và bà K cùng nhau kết toán việc trả lãi được thể hiện rõ tại bảng kê đóng tiền.

Nay bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì khoản nợ 347.000.000đ là nợ riêng của bà nên bà có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Hiện nay bà Dương Tuyết N1 định cư tại Mỹ, Tòa án có yêu cầu bà cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện nơi ở của bà N1 và việc chuyển tiền trả nợ, chuyển trách nhiệm trả nợ từ bà sang cho bà N1 nhưng bà N1 không gửi nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là Lê Thị Cẩm N. Ông không biết khoản nợ vay mà bà K yêu cầu, khoản nợ không liên quan đến ông nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh K. Buộc bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thanh C thanh toán cho bà Trần Thị Minh K số tiền 347.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 07/4/2023, bị đơn bà Lê Thị Cẩm N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng không buộc ông Nguyễn Thanh C cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm N về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

Giao dịch vay tiền của bà K và bà N được thể hiện tại Giấy biên nhận nợ đề ngày 28/6/2018 do bà N viết và ký tên, đến ngày 28/4/2022 hai bên đã đối chiếu số tiền lãi đã đóng, việc vay tiền là có xảy ra trong thực tế.

Tuy nhiên, bà N cho rằng việc vay này là vay giùm bà Dương Tuyết N1, nay bà không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu điều chỉnh lãi, khoản lãi đã trả được đối trừ vốn và ông C không có nghĩa vụ thanh toán. Sự thừa nhận như trên, thấy rằng việc vay vốn là có thật và đôi bên cũng đối chiếu, chấp nhận đã thanh toán khoản lãi, khoản vốn còn lại là 347.000.000đ, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán vốn và cấp sơ thẩm đã chấp nhận là có căn cứ.

Đối với ý kiến bà N cho rằng bà K khởi kiện là khoản nợ của bà Dương Tuyết N1, việc bà N1 chuyển tiền trả nợ và thỏa thuận chuyển giao khoản nợ từ bà N sang cho bà N1. Tại phiên tòa người đại diện của bà K không đồng ý, trong khi đó bà N thừa nhận chính bà là người nhận tiền và viết biên nhận do vậy bà là người trực tiếp giao dịch nên nguyên đơn yêu cầu bà N là người có trách nhiệm thanh toán là phù hợp.

Do đó, xét lời trình bày của bà N là không có cơ sở vững chắc nên cấp cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Về trách nhiệm thanh toán, nguyên đơn yêu cầu ông C có trách nhiệm cùng thanh toán, tại phiên tòa phúc thẩm bà N đặt ra đây là khoản nợ bà đứng vay giùm của riêng bà nên không liên quan trách nhiệm của ông C. Xét thấy trong biên nhận thể hiện rõ nội dung ghi là: “Vay giùm bà N1” biên nhận này bà K giữ nhưng không phản đối gì, như vậy đây là khoản tiền bà N đứng vay giùm không phải dùng cho việc sinh hoạt chung cho gia đình, nhưng cấp sơ thẩm nhận định do khoản nợ chung trong thời gian chung sống vợ chồng nên buộc trách nhiệm ông Nguyễn Thanh C cùng có trách nhiệm thanh toán là chưa có cơ sở vững chắc.

Chấp nhận yêu cầu của bà N đặt ra và căn sửa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông C cùng có trách nhiệm thanh toán.

[2] Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm N, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Lê Thị Cẩm N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm N về trách nhiệm thanh toán. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh K. Buộc bà Lê Thị Cẩm N thanh toán cho bà Trần Thị Minh K số tiền 347.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh C cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị Minh K1.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thị Minh K không phải chịu. Ngày 06/10/2022, bà K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 8.675.000đ theo biên lai thu số 0002066 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Cà Mau được nhận lại.

Bà Lê Thị Cẩm N phải chịu 17.350.000đ (chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Cẩm N không phải chịu án phí 300.000 đồng. Ngày 12/4/2023, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003188 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng